

Số: 11/BC-THPTNK

Vĩnh Bảo, ngày 07 tháng 02 năm 2023

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022

Thực hiện công văn số 244/SGDDĐT-KHTC ngày 03 tháng 2 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng về việc Báo cáo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022. Trường THPT Nguyễn Khuyến xin được báo cáo cụ thể như sau:

I. Kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên

Nhà trường căn cứ vào nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch thực hiện tiết kiệm trong chi thường xuyên dựa trên các căn cứ sau:

1. Chi tiêu tiết kiệm tại chương trình tổng thể về thực hiện tiết kiệm, phòng chống lãng phí của Chính phủ hàng năm.
2. Số kinh phí tiết kiệm được xác định trên cơ sở so với số chi thực tế với dự toán chi thường xuyên đã được duyệt của các nhiệm vụ đã hoàn thành trong năm ngân sách và đảm bảo chất lượng.
3. Việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên theo quy định của pháp luật.
4. Việc thực hiện tinh giản biên chế hành chính và sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước; giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp.
5. Việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập.
6. Công tác tổ chức, chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí.
7. Kết quả thực hiện chống lãng phí trong chi thường xuyên nhà trường dự toán ngân sách cấp dưới.

II. Chấm đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của nhà trường

1. Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2022 (Kèm theo phụ lục số 01 - B).
2. Số tiết kiệm ngân sách trong chi quản lý hành chính năm 2022 (Kèm theo phụ lục 2).

Trường THPT Nguyễn Khuyến báo cáo thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 để Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng nắm được tiện cho việc tổng hợp, theo dõi và cho ý kiến chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT Hải Phòng;
- Lưu: VT.



HIỆU TRƯỞNG

*Phạm Huy Hùng



SỞ GD&ĐT HẢI PHÒNG
TRƯỜNG THPT NGUYỄN KHUYẾN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC SỐ 01-B

BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM, CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP NĂM 2022
(Kèm theo báo cáo số 11/BC-THPTNK ngày 07 tháng 02 năm 2023 của hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

| STT | Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần | Điểm tối đa | Điểm tự đánh giá |
|-----------|---|-------------|------------------|
| | Tổng cộng (A+B+C) | 100 | 80 |
| A. | Một số tiêu chí tiết kiệm trong chi thường xuyên (A=I+II) | 70 | 70 |
| I | Kết quả tiết kiệm một số chỉ tiêu cụ thể | 55 | 55 |
| 1 | Chi sách, báo, tạp chí | 6 | 6 |
| 2 | Chi cước phí thông tin liên lạc | 6 | 6 |
| 3 | Chi sử dụng điện | 6 | 6 |
| 4 | Chi xăng, dầu | 6 | 6 |
| 5 | Chi sử dụng nước | 6 | 6 |
| 6 | Chi tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, họp | 6 | 6 |
| 7 | Chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, lễ kỷ niệm | 6 | 6 |
| 8 | Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin liên lạc | 6 | 6 |
| 9 | Chi thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao (bao gồm: kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao; kinh phí thực hiện các Đề án, Chương trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt) | 7 | 7 |
| II | Việc thực hiện kế hoạch tinh giản biên chế | 15 | 15 |
| 1 | Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao | 10 | 10 |

| | | | |
|-----------|--|-----------|-----------|
| | Thực hiện, đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định | 10 | 10 |
| | Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định | 0 | |
| 2 | Kết quả thực hiện chấm dứt số hợp đồng lao động không đúng quy định trong đơn vị sự nghiệp công lập (đơn vị không có hợp đồng lao động không đúng quy định hoặc đơn vị đã tự bảo đảm tự chủ tài chính thì được điểm tối đa chỉ tiêu này): Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu giảm số hợp đồng lao động không đúng quy định để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này. | 5 | 5 |
| | Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định | 5 | 5 |
| | Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định | 0 | |
| B. | Kết quả tiết kiệm kinh phí chi thường xuyên được giao thực hiện chế độ tự chủ đối với đơn vị sự nghiệp công lập (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương) | 30 | 10 |
| 1 | Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao | 10 | 10 |
| 2 | Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao | 20 | |
| 3 | Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao | 30 | |
| C. | Đánh giá việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong chi thường xuyên | | 0 |
| 1 | Có khoản chi bị Kho bạc nhà nước từ chối thanh toán do chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ. | -5 | |
| 2 | Có khoản chi bị cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ. | -5 | |
| 3 | Có trường hợp khác bị phát hiện chi sai định mức, tiêu chuẩn, chế độ. | -5 | |

HIỆU TRƯỞNG

Phạm Huy Hùng



Phụ lục 2: Số tiết kiệm ngân sách trong chi quản lý hành chính năm 2022
(Kèm theo báo cáo số 11/BC-THPTNK ngày 07 tháng 02 năm 2023
của hiệu trưởng trường THPT Nguyễn Khuyến)

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | 2021 | 2022 | Thay đổi so với năm trước |
|-------------|--|-------------------|--------------------|--------------------|---------------------------|
| 1 | Tiết kiệm văn phòng phẩm | triệu đồng | 9,000,000 | 7,000,000 | -2,000,000 |
| 2 | Tiết kiệm cước phí thông tin liên lạc | triệu đồng | 79,000,000 | 25,000,000 | -54,000,000 |
| 3 | Tiết kiệm sử dụng điện | triệu đồng | 74,000,000 | 81,000,000 | 7,000,000 |
| 4 | Tiết kiệm xăng, dầu | triệu đồng | 0 | 0 | 0 |
| 5 | Tiết kiệm nước sạch | triệu đồng | 12,000,000 | 6,000,000 | -6,000,000 |
| 6 | Tiết kiệm công tác phí | triệu đồng | 82,000,000 | 94,000,000 | 12,000,000 |
| 7 | Tiết kiệm trong tổ chức hội nghị, hội thảo | triệu đồng | 0 | 2,700,000 | 2,700,000 |
| 8 | Tiết kiệm chi tiếp khách, khánh tiết, lễ hội, kỷ niệm | triệu đồng | 3,000,000 | 5,200,000 | 2,200,000 |
| 9 | Tiết kiệm trong mua sắm, sửa chữa tài sản, trang thiết bị làm việc, phương tiện thông tin, ... | triệu đồng | 528,000,000 | 24,000,000 | -504,000,000 |
| Tổng | | Triệu đồng | 787,000,000 | 244,900,000 | -542,100,000 |